

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ YÊN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2021/HNGĐ – ST
Ngày 09/02/2021
V/v: Tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Lương Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- ông Đinh Công Ó.

- bà Lê Thị Bổng.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Khánh Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hân – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2020/TLST – HNGĐ, ngày 23 tháng 11 năm 2021 về việc Tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST – DS, ngày 25 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Cầm Thị Q, sinh năm 1971. Công tác tại Trường Tiểu học và Trung học cơ sở TP, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

- Bị đơn: ông Đinh Văn T, sinh năm 1965.

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản C, xã T, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Đều có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện Phù Yên – Phòng giao dịch Gia Phù, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ý kiến trình bày tại phiên tòa nguyên đơn bà Cẩm Thị Q trình bày:

Bà và ông T kết hôn với nhau do hai bên gia đình mai mối, vun vén và tổ chức làm đám cưới theo phong tục của gia đình, địa phương từ năm 1992 nhưng hai người không đi đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống cả hai hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do ông T có tính cách cục cằn, nóng nảy, thường xuyên chửi mắng, đánh đập bà, lười lao động, không quan tâm đến gia đình, hơn nữa do công việc của bà phải đi học nâng cao nghiệp vụ nên ông T nghi ngờ tôi có quan hệ không lành mạnh, trong sáng, thường xuyên gây áp lực với tôi, làm ảnh hưởng đến tinh thần, sức khỏe và công việc của tôi. Tôi cũng đã cố gắng giải thích, khuyên nhủ anh T nhưng anh T không thay đổi và thường xuyên đe dọa tôi.

Mâu thuẫn của chúng tôi đã được bản thân và gia đình hai bên, anh em bạn bè, đồng nghiệp khuyên nhủ nhưng không thành, bản thân vợ chồng tôi hiện nay tuổi cũng đã cao, không muốn chia tay nhau nhưng tôi không thể tiếp tục chung sống cùng anh T được nữa, tôi xác định không còn tình cảm vợ chồng, không mang lại hạnh phúc cho nhau nên tôi đề nghị Tòa án tuyên bố chúng tôi không phải là vợ chồng vì chúng tôi không đăng ký kết hôn.

Về con chung: Chúng tôi có ba con chung là cháu Đình Anh D, sinh năm 1992 (cháu đã chết), cháu Đình Hải N, sinh ngày 17/6/2002, hiện nay cháu đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động nên cháu muốn ở với ai cũng được, cháu thứ ba là Đình Thị Ngân T, sinh ngày 24/7/2011, do cháu T còn nhỏ, là con gái và tôi có việc làm, thu nhập ổn định có điều kiện để nuôi dạy cháu, hơn nữa cháu T có nguyện vọng muốn được sống với tôi nên tôi có đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Ngân T đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, tôi không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tôi có đề nghị vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Vợ chồng tôi có một khoản nợ là nợ ngân hàng Nông nghiệp và PTNT chi nhánh huyện Phù Yên số tiền 100.000.000,đ và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 7909LAV2019 0185, Mã KH: 7909 – 047546134, ngày 25/9/2019, giữa bên cho vay: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Phù Yên – Phòng giao dịch Gia Phù, tỉnh Sơn La và bên vay: bà Cẩm Thị Q, sinh năm 1971; Địa chỉ: bản C, xã T, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. SĐT: 0355360655. Tôi đã thu xếp trả được 2.000.000,đ tiền gốc và lãi xuất. Nếu ly hôn thì tôi sẽ có trách nhiệm trả nợ toàn bộ số gốc và lãi xuất cho ngân hàng vì tôi là cán bộ, có lương và thu nhập ổn định hơn anh T.

Trong bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa bị đơn ông Đinh Văn T trình bày:

Vợ chồng tôi lấy nhau và và tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương vào năm 1992 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc đến nay, trong cuộc sống có một số mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng, vẫn có thể đoàn tụ gia đình để cùng nhau nuôi dạy con cái. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và tôi muốn cả hai tiếp tục chung sống để nuôi dạy con cái.

Về con chung: Chúng tôi có ba con chung nhưng cháu đầu đã mất, hiện nay còn hai cháu là Đinh Hải N, sinh ngày 17/6/2002 (hiện đã trưởng thành, đủ 18 tuổi) và cháu Đinh Thị Ngân T, sinh ngày 24/7/2011, trong trường hợp ly hôn thì tôi nhất trí để chị Q được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T và tôi không cấp dưỡng nuôi cháu T.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng tôi có một khoản nợ là nợ ngân hàng Nông nghiệp và PTNT chi nhánh huyện Phù Yên số tiền 100.000.000,đ và lãi phát sinh, nếu ly hôn thì chị Q sẽ có trách nhiệm trả nợ, ngoài ra chúng tôi không còn khoản nợ nào khác.

Tại văn bản ngày 12/01/2021 của Ngân hàng Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La – Phòng giao dịch Gia Phù có ý kiến: bà Q, ông T có vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Phù Yên - Phòng giao dịch Gia Phù, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La số tiền gốc là 100.000.000,đ (Một trăm triệu đồng)

theo Hợp đồng tín dụng số 7909LAV2019 0185, Mã KH: 7909 – 047546134, ngày 25/9/2019. Trong quá trình sử dụng vốn vay, ông bà đã trả được 2.000.000,đ tiền gốc và lãi xuất theo quy định, hiện nay còn nợ lại số tiền tính đến ngày 12/01/2021 là 98.370.521,đ (Chín mươi tám triệu, ba trăm bảy mươi ngàn, năm trăm hai mươi một đồng) trong đó số tiền gốc là 98.000.000,đ và lãi xuất là 370.521,đ. Nếu ông bà ly hôn thì Ngân hàng đề nghị bà Q có trách nhiệm thanh toán trả toàn bộ số tiền gốc và lãi xuất còn lại theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã cung cấp cho Tòa án những tài liệu, chứng cứ gồm: Đơn khởi kiện về việc xin ly hôn; Bản tự khai của các đương sự; Giấy xác nhận; Sổ hộ khẩu gia đình (bản sao); Giấy chứng minh nhân dân bà Q, ông T (bản sao); Trích lục khai sinh các cháu Hải N, Ngân T (bản sao); Trích lục khai tử cháu Đình Anh D (bản sao); Hợp đồng tín dụng số 7909LAV2019 0185, Mã KH: 7909 - 047546134 (bản sao); Đơn đề nghị không tiếp tục hòa giải.

Tài liệu do Tòa án thu thập gồm: Biên bản xác minh ngày 05/01/2021 tại chính quyền bản C, xã T, huyện Phù Yên; Biên bản ghi ý kiến cháu Ngân T; Văn bản của Ngân hàng Nông nghiệp huyện Phù Yên;

Quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, vì vậy vụ án được đưa ra xét xử

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, thành viên Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi liên quan đã thực hiện đúng các quy định tại các điều 70, 71, 72, 73 và 209 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: áp dụng khoản 1 điều 9; khoản 1 điều 14; khoản 2 điều 53; điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Cẩm Thị Q và ông Đình Văn T;

Đề nghị giao cháu Đinh Thị Ngân T cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành và chấp nhận yêu cầu của bà Q về việc không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung; Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, bà Cầm Thị Q có trách nhiệm thanh toán, trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện Phù Yên – Phòng giao dịch Gia Phù số tiền tính đến ngày 12/01/2021 là 98.370.521,đ (Chín mươi tám triệu, ba trăm bảy mươi ngàn, năm trăm hai mươi một đồng) trong đó số tiền gốc là 98.000.000,đ và lãi xuất là 370.521,đ.

Về án phí: Bà Cầm Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Tòa án nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: bà Cầm Thị Q và ông Đinh Văn T chung sống với nhau như vợ chồng và có hộ khẩu, tài sản tại bản C, xã T, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Hiện ông bà có tranh chấp về ly hôn, xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về tố tụng: Người có quyền lợi liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Người có quyền lợi liên quan là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: bà Cầm Thị Q và ông Đinh Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định, do đó pháp luật không công nhận là vợ chồng, đã vi phạm vào khoản 1 điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1 điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Tại khoản 1 điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại điều 15 và 16 của Luật này”.

Căn cứ quy định tại khoản 2 điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình: “2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại điều 15 và điều 16 của Luật này.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do ông T không tin tưởng, có đe dọa, chửi mắng bà Q, không tôn trọng vợ, mâu thuẫn đã được bản thân ông bà cố gắng hàn gắn nhưng không khắc phục được, ông T mong muốn tiếp tục chung sống hạnh phúc nhưng không có hướng giải quyết để cả hai ông bà tiếp tục chung sống hạnh phúc, nhận thấy hôn nhân của vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bà Q kiên quyết xin ly hôn ông Đinh Văn T, ông T không nhất trí và mong muốn đoàn tụ gia đình. Trong thời gian kể từ khi chung sống với nhau đến nay ông bà không đi đăng ký kết hôn.

Căn cứ vào các quy định trên, cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Cẩm Thị Q và ông Đinh Văn T.

[4] Về con chung: Ông bà hiện có hai con chung là Đinh Hải N, sinh ngày 17/6/2002 (hiện đã trưởng thành, đủ 18 tuổi) và Đinh Thị Ngân T, sinh ngày 24/7/2011. Đối với cháu Hải N hiện nay đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với cháu Đinh Thị Ngân T hiện còn nhỏ, đang đi học, bà Q có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy: Bà Q hiện nay có việc làm, thu nhập ổn định, có điều kiện để nuôi dạy con và có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, ý kiến của cháu T có nguyện vọng được sống với bà Q nên cần giao cháu Đinh Thị Ngân T cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động để đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt cho cháu T và chấp nhận sự tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung của bà Q.

[5] Về tài sản chung: Bà Q và ông T đều có ý kiến tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản riêng: Không có.

[7] Về nợ chung: Vợ chồng ông T bà Q có vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Phù Yên - Phòng giao dịch Gia Phù, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La số tiền gốc là 100.000.000,đ (Một trăm triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 7909LAV2019 0185, Mã KH: 7909 – 047546134, ngày 25/9/2019. Trong quá trình sử dụng vốn vay, ông bà đã trả được 2.000.000,đ tiền gốc và lãi xuất theo quy định, hiện nay còn nợ lại số tiền tính đến ngày 12/01/2021 là 98.370.521,đ (Chín mươi tám triệu, ba trăm bảy mươi ngàn, năm trăm hai mươi một đồng) trong đó số tiền gốc là 98.000.000,đ và lãi xuất là 370.521,đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Q, ông T đã thống nhất, thỏa thuận và ý kiến của Ngân hàng Nông nghiệp Phù Yên – Phòng giao dịch Gia Phù có ý kiến bà Q sẽ có trách nhiệm thanh toán trả toàn bộ số nợ gốc và lãi xuất còn lại cho ngân hàng.

Xét thấy: Bà Q, ông T vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Phù Yên - Phòng giao dịch Gia Phù, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La số tiền gốc là 100.000.000,đ (Một trăm triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 7909LAV2019 0185, Mã KH: 7909 – 047546134, ngày 25/9/2019, đến hạn thanh toán bà Q vẫn thực hiện trả tiền gốc và lãi xuất theo quy định để sử dụng vào mục đích chung của gia đình, đến ngày 12/01/2021 còn nợ lại 98.370.521,đ (Chín mươi tám triệu, ba trăm bảy mươi ngàn, năm trăm hai mươi một đồng) trong đó số tiền gốc là 98.000.000,đ và lãi xuất là 370.521,đ. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Q tự nguyện có trách nhiệm thanh toán trả toàn bộ số tiền gốc và lãi xuất còn lại cho Ngân hàng, do đó xét yêu cầu của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Phù Yên - Phòng giao dịch Gia Phù và sự tự

nguyên thỏa thuận của bà Q, ông T là chính đáng, đúng pháp luật, cần được chấp nhận, phù hợp với điều 463, 466 Bộ luật Dân sự.

[8] Về án phí: Nguyên đơn bà Cẩm Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 điều 9, khoản 1 điều 14, khoản 2 điều 53, điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; điều 463, điều 466 Bộ luật Dân sự; khoản 4 điều 147; khoản 1 điều 227; khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Cẩm Thị Q và ông Đình Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Đình Thị Ngân T, sinh ngày 24/7/2011 cho bà Cẩm Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

- Ông Đình Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận phân chia và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản riêng: Không có.

5. Về nợ chung: Bà Cẩm Thị Q có trách nhiệm thanh toán trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Phù Yên - Phòng giao dịch Gia Phù, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La số tiền tính đến

ngày 12/01/2021 là 98.370.521,đ (Chín mươi tám triệu, ba trăm bảy mươi ngàn, năm trăm hai mươi một đồng) trong đó số tiền gốc là 98.000.000,đ (Chín mươi tám triệu đồng) và lãi xuất là 370.521,đ (Ba trăm bảy mươi ngàn, năm trăm hai mươi một đồng), kể từ ngày 13/01/2021 bà Q có trách nhiệm trả tiếp số tiền gốc và lãi xuất phát sinh theo quy định.

6. Về án phí: Bà Cẩm Thị Q phải chịu 300.000,đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu, quyển số: 015, số 0000735, ngày 23/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Bà Q đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án ngày 09/02/2021; Người có quyền lợi liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Phù Yên (2);
- Chi cục THADS huyện Phù Yên;
- UBND xã T, huyện Phù Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Lê Lương Anh